

Án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16/7/2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Mạnh Xuân Hải.
- *Hội thẩm nhân dân:* ông Vũ Quốc Phòng và ông Ngô Quốc Vũ.
- *Thư ký phiên tòa:* bà Phạm Thị Loan – Thẩm tra viên Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa:* bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024, về việc tranh chấp “*Ly hôn, con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024; Theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-TA ngày 26/6/2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: chị **Hán Thị Bích N**, sinh năm 1985; nơi ĐKNKTT: **Thôn Đ, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam**; chỗ ở hiện nay: **xóm D, xã D, huyện T, tỉnh Phú Thọ**.

2/ Bị đơn: anh **Đào Quang Tiến**, sinh năm 1983; địa chỉ: **Thôn Đ, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam**.

(Tại phiên tòa nguyên đơn chị **Hán Thị Bích N** có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Đào Quang Tiến vắng mặt lần thứ 02 không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Hán Thị Bích N** trình bày: Chị kết hôn với anh Đào Quang Tiến trên cơ sở tự nguyện và được **UBND xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam** tổ chức đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc xô xát nhau ngày một trầm trọng, nên vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2022 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T**.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Đào Quang Tiến trình bày: Anh xác nhận thời gian, điều kiện thủ tục kết hôn giữa anh và chị N như chị N đã trình bày với Tòa án. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, anh cho rằng là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Cả chị N và anh T cùng xác nhận vợ chồng có ba con chung là cháu Đào Quang H, sinh ngày 08/02/2007; cháu Đào Thị Ngọc H1, sinh ngày 16/6/2013 và cháu Đào Ngọc Kim N1, sinh ngày 08/3/2020. Hiện nay cả ba cháu đang ở với chị N. Khi ly hôn cả chị N và anh T đều xin nuôi cả ba cháu và đều không yêu cầu người kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thị xã D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016. Xử lý hôn giữa: chị Hán Thị Bích N và anh Đào Quang Tiến; về con chung: Giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Thị Ngọc H1 và cháu Đào Ngọc Kim N1; giao anh T nuôi dưỡng cháu Đào Quang H kể từ tháng 7/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về tài sản chung, công sức và công nợ của vợ chồng: Không đặt ra xem xét; về án phí HN&GD sơ thẩm: chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên phát biểu ý kiến về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hán Thị Bích N có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn anh Đào Quang Tiến vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hán Thị Bích N và anh Đào Quang Tiến kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn ngày 08/3/2007.

[3] Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị N, anh T chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày một trầm trọng không thể hàn gắn được và anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, quan điểm của chị N xin được ly hôn; quan điểm của anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh T không có mặt tại buổi hòa giải, công khai chứng cứ do Tòa án tổ chức. Quá

trình giải quyết vụ án anh **T** cũng không đưa ra biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng để thuyết phục chị **N** rút yêu cầu ly hôn về đoàn tụ với anh.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **N** và anh **T** đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và cho dù giữ nguyên tình trạng sống ly thân như hiện nay cũng không hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **N** với anh **T** là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật HN&GD.

[4] Về con chung: Cả chị **N** và anh **T** cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu **Đào Quang H**, sinh ngày 08/02/2007; cháu **Đào Thị Ngọc H1**, sinh ngày 16/6/2013 và cháu **Đào Ngọc Kim N1**, sinh ngày 08/3/2020. Hiện cả ba con chung của vợ chồng đang ở với chị **N** và gia đình ngoại của các cháu. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù cả chị **N** và anh **T** không cung cấp tài liệu chứng minh thu nhập của mỗi bên, song cả hai đều có nguyện vọng xin được nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của cháu **H**, cháu **H1** muốn được ở với chị **N**.

Xét về điều kiện nuôi con của các đương sự, HĐXX nhận thấy: Hiện tại điều kiện của chị **N** và anh **T** đều có đủ điều kiện nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện tại cháu **H** đã lớn tuổi, các cháu **H1**, **N1** còn nhỏ và cần có sự chăm sóc của người chị **N**. Vì vậy, sau khi xem xét mọi mặt và để đảm bảo quyền lợi tốt nhất đối với các con chung của vợ chồng, HĐXX cần giao chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **H1** và cháu **N1**; giao anh **T** nuôi dưỡng cháu **H** kể từ tháng 7/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật HN&GD.

[5] Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng: Do các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí HNGD sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:* Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Hán Thị Bích N** và anh **Đào Quang Tiến**.

2. Về con chung: Giao chị **Hán Thị Bích N** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Đào Thị Ngọc H1**, sinh ngày 16/6/2013 và cháu **Đào Ngọc Kim N1**, sinh ngày 08/3/2020; giao anh **Đào Quang T1** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Đào Quang H**, sinh

ngày 08/02/2007 kể từ tháng 7/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị N, anh T1 được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị N, anh T1 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T1, chị N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công sức và công nợ của vợ chồng: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Nguyên đơn chị Hán Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng. Chị N được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0001070 ngày 15/3/2024 tại Chi cục Thi hành án thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND thị xã Duy Tiên.
- THADS thị xã Duy Tiên.
- UBND xã Văn Lý, huyện Lý Nhân;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mạnh Xuân Hải**

**Hội thẩm nhân dânThẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

*Mạnh Xuân H2*



